CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP VINAFREIGHT

Ngày 31/12/2025	15,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-8.9%**	**10.0%**

DT thuần
Q4/25
512
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 95.0| 22.8%
YoY: ▲ 27.0| 5.6%

LN thuần
Q4/25
14.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.90| -31.8%
YoY: ▼7.00| -32.1%

LN sau thuế
Q4/25
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.50| -23.4%
YoY: ▼0.80| -5.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
5.3%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE
2025
9.1%
YoY: +/-▼ 0.9%

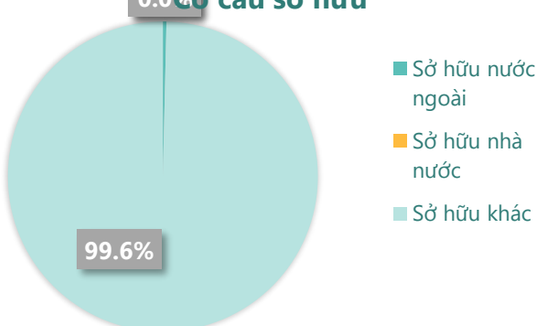
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,636 - 17,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	488
Số lượng CPLH (CP)	31,700,380
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,900
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.23
EPS	1,798
P/E	8.6

DT thuần
2025
1,657
tỷ VNĐ
YoY: ▼116| -6.5%

LN thuần
2025
75.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.7| -25.0%

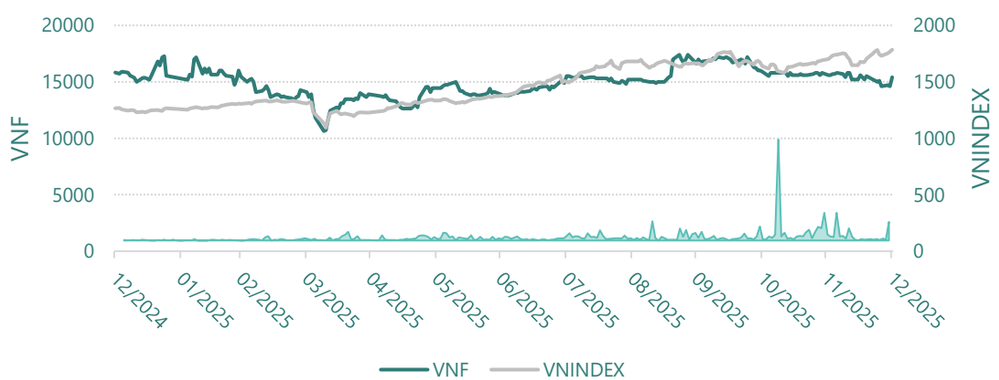
LN sau thuế
2025
63.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.70| -13.3%

Cơ cấu sở hữu

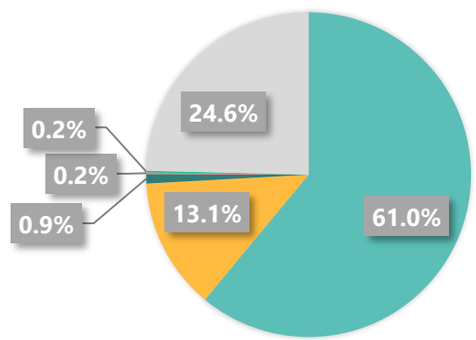


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

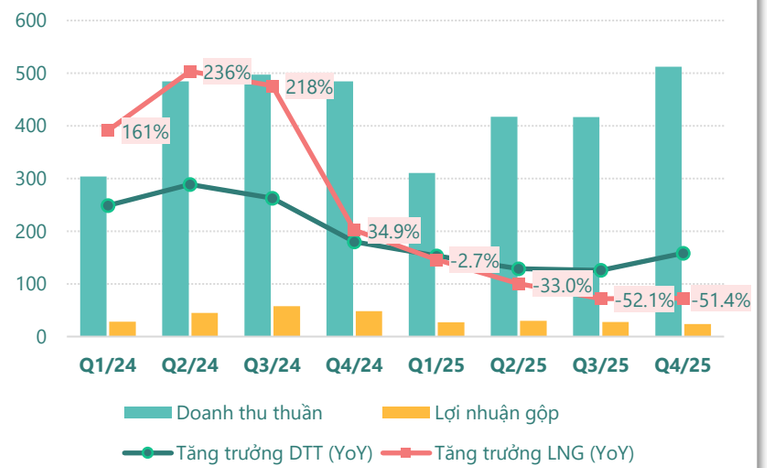


- CTCP Transimex
- CTCP Quản lý & Phát triển Bất động sản Conasi
- Nguyễn Bích Lân (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Minh Tuấn
- Bùi Tuấn Ngọc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

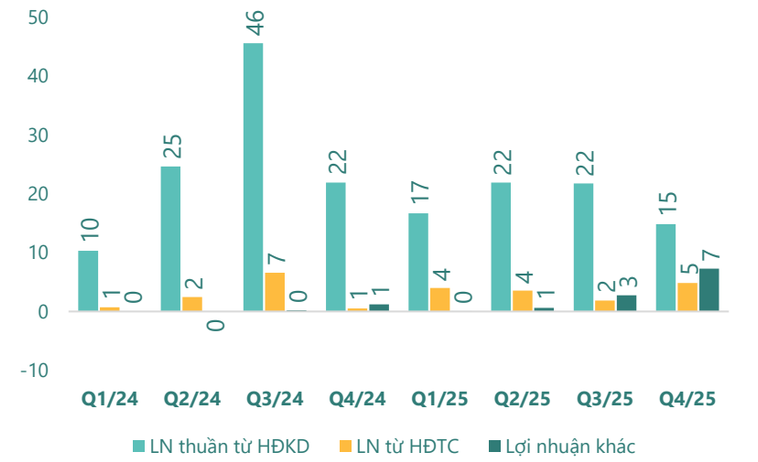
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



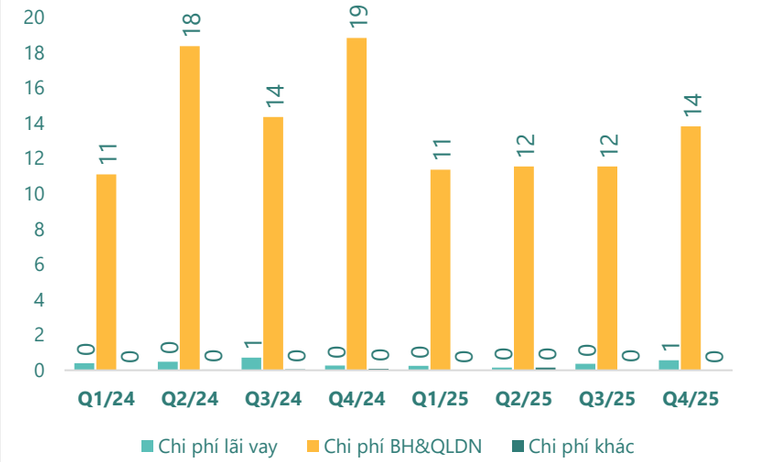
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



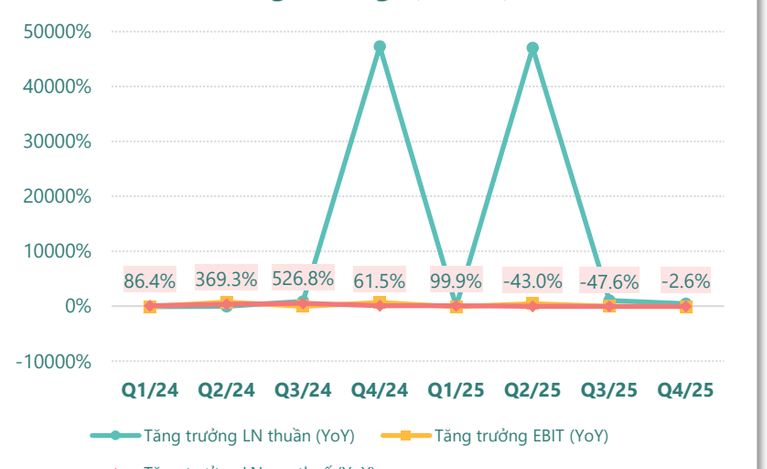
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



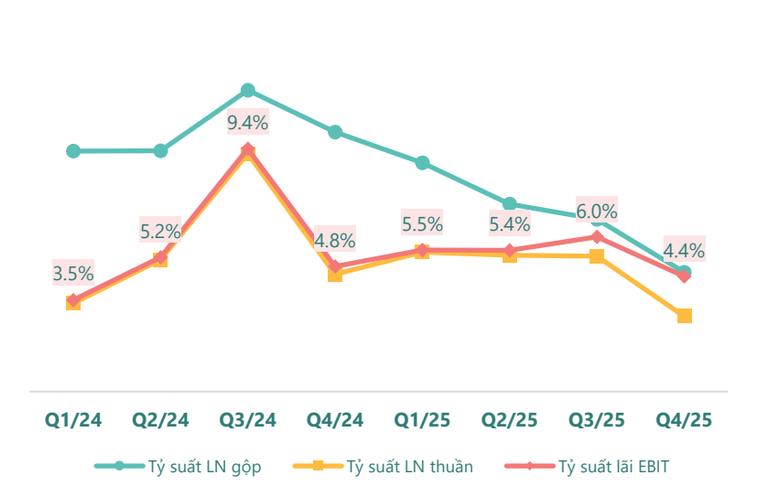
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



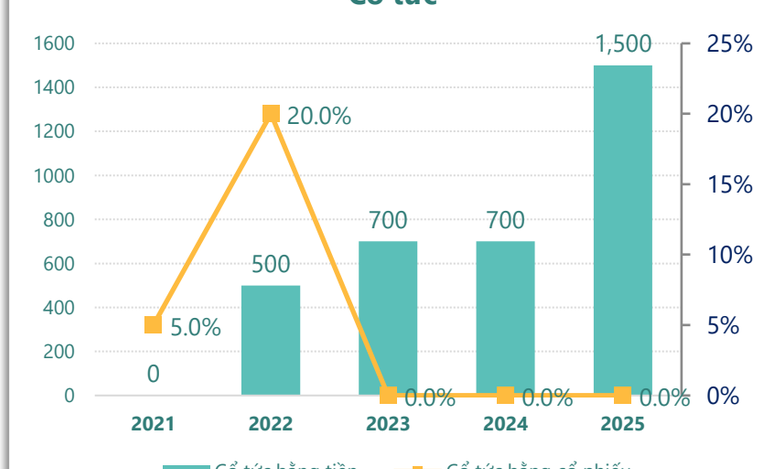
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

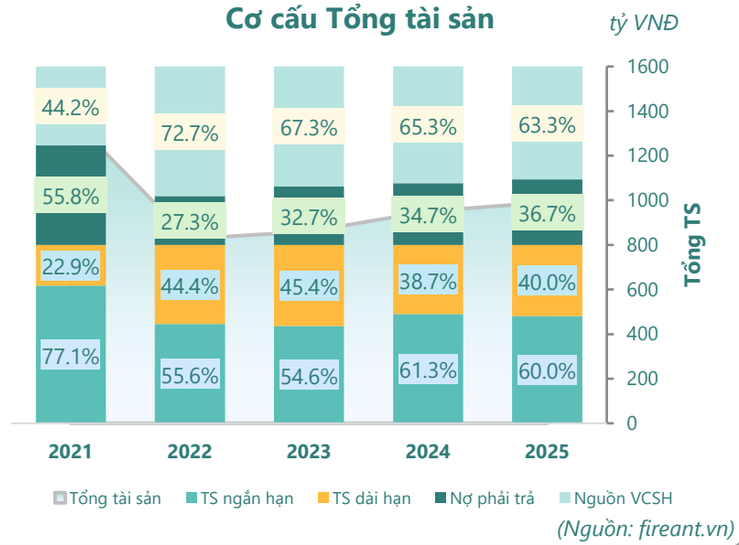
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

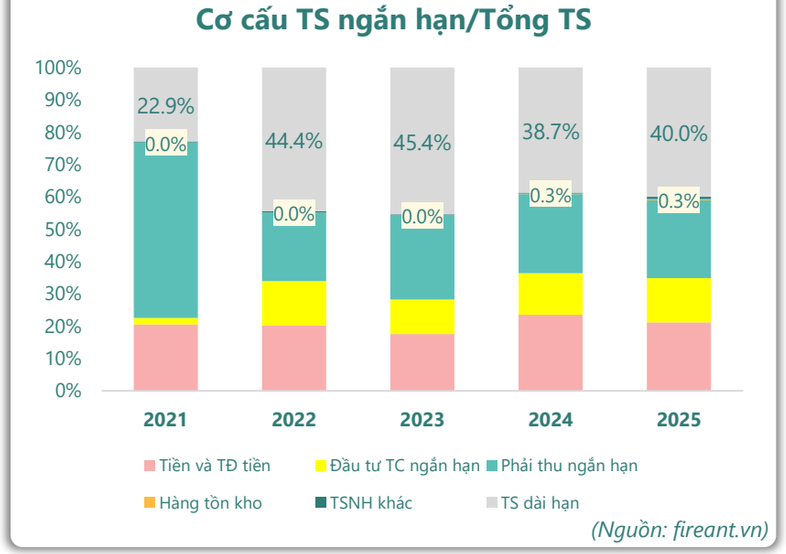
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



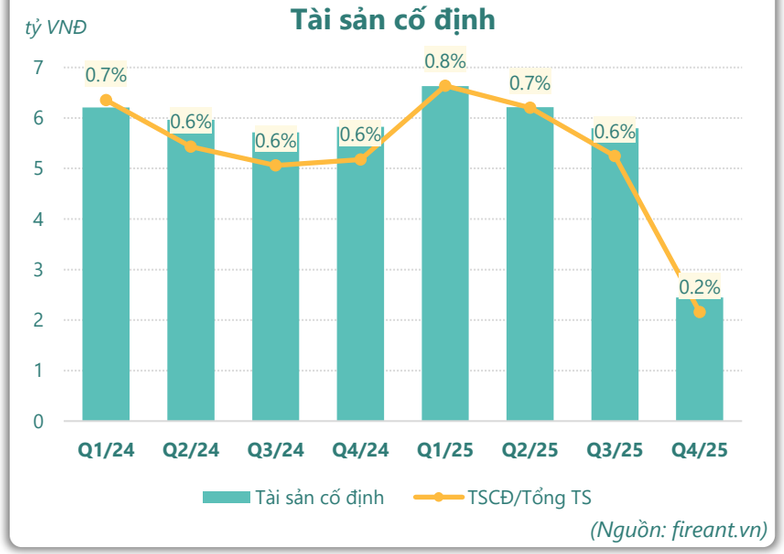
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



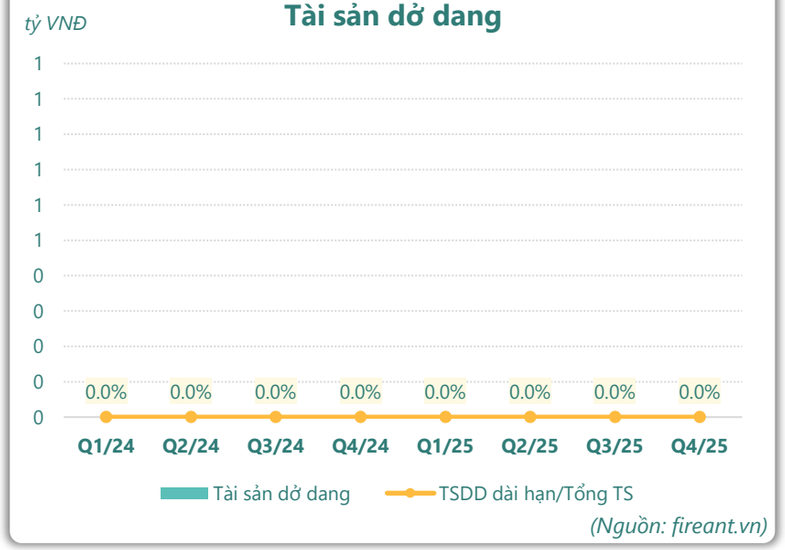
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



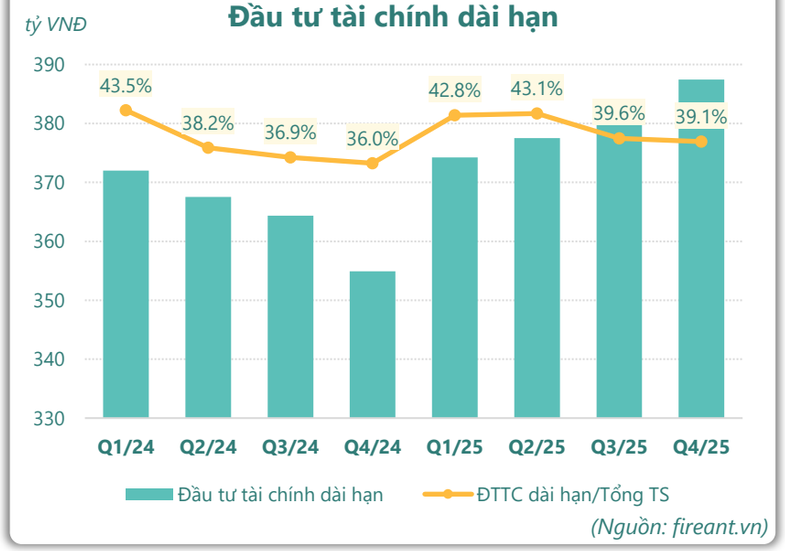
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



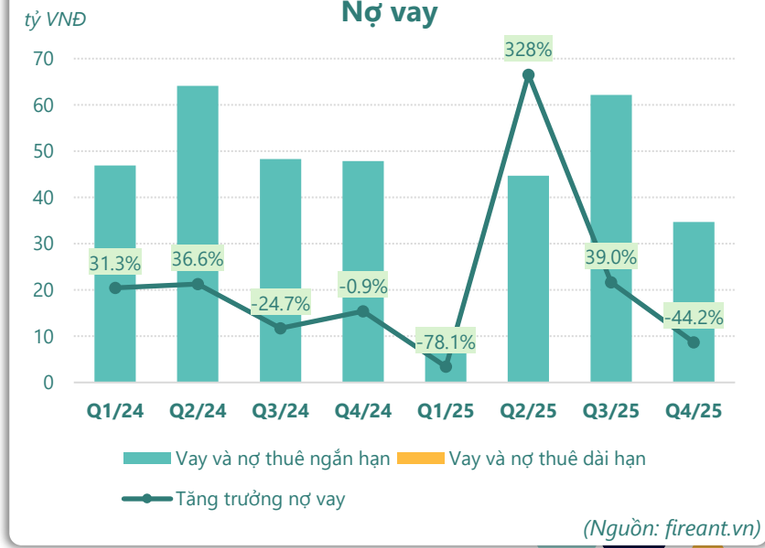
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

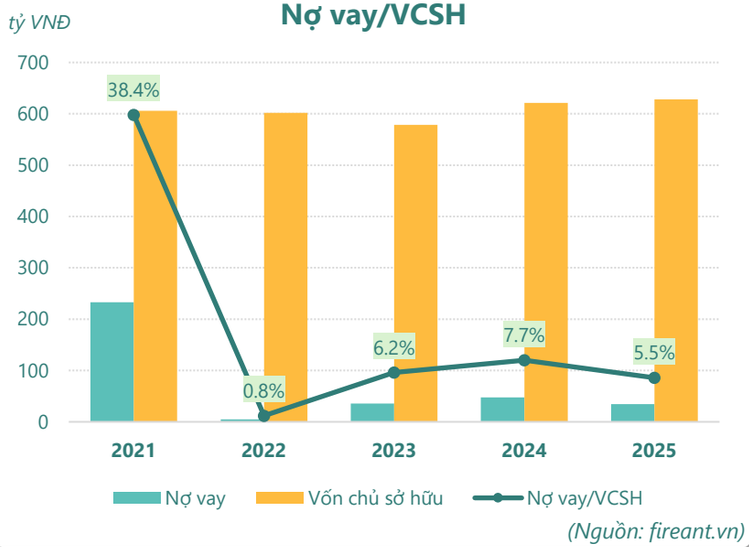
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

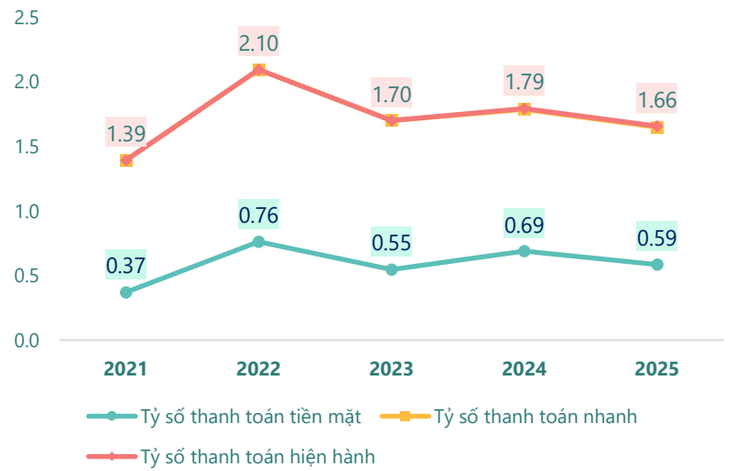
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



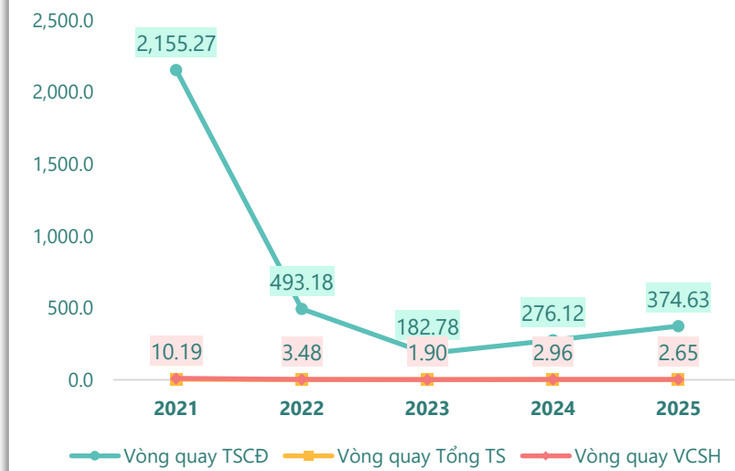
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



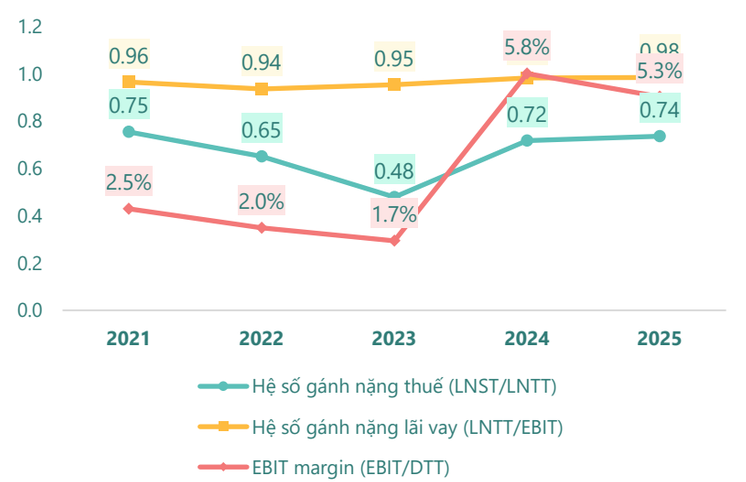
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



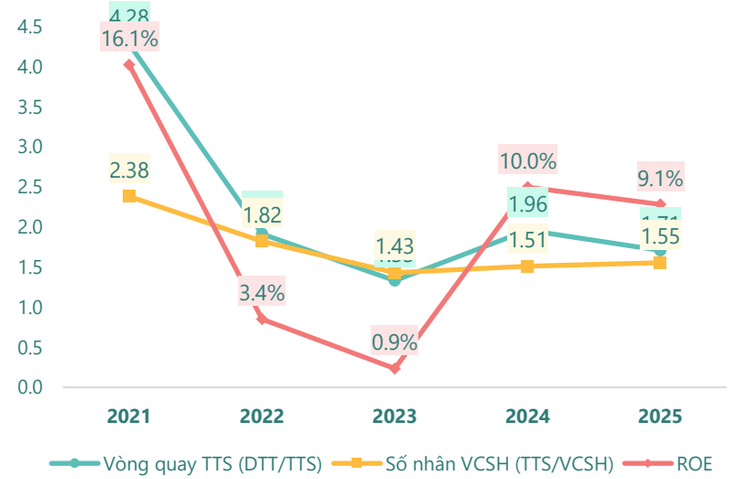
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



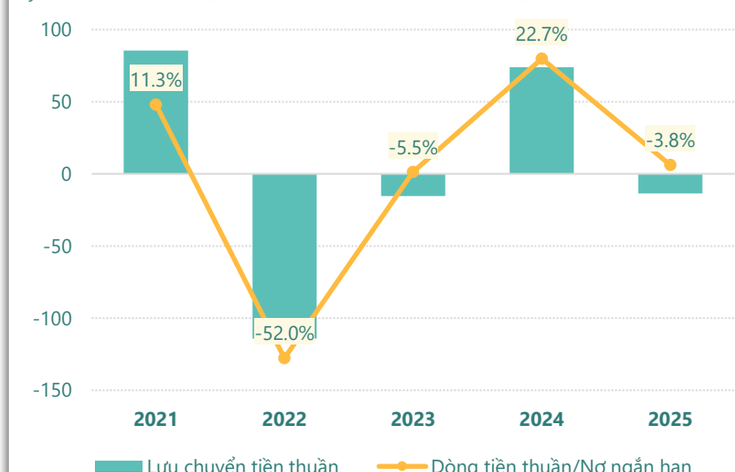
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**512**	**485**	**5.6%**	**1,657**	**1,773**	**-6.5%**
Giá vốn hàng bán	489	436	12.1%	1,548	1,595	-2.9%
Lợi nhuận gộp	23.6	48.5	-51.4%	109	178	-38.9%
Doanh thu HĐTC	6.09	6.23	-2.2%	21.3	19.1	11.5%
Chi phí TC	1.26	5.73	-78.1%	7.03	8.83	-20.4%
Chi phí lãi vay	0.56	0.27	108%	1.34	1.86	-28.3%
LN trong công ty LKLD	**0.27**	**-8.25**	**103%**	**0.43**	**-25.3**	**102%**
Chi phí bán hàng	8.30	11.5	-27.8%	27.5	40.8	-32.6%
Chi phí QLDN	**5.53**	**7.36**	**-24.9%**	**20.8**	**22.2**	**-6.3%**
LN thuần từ HĐKD	14.9	21.9	-32.1%	75.3	100	-25.0%
Lợi nhuận khác	**7.31**	**1.21**	**504%**	**10.7**	**1.38**	**677%**
LN trước thuế	22.2	23.1	-4.0%	86.0	102	-15.5%
Lợi nhuận sau thuế	**14.6**	**15.4**	**-5.0%**	**63.3**	**73.0**	**-13.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.2**	**20.8**	**-36.7%**	**57.0**	**59.9**	**-4.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.6	46.1	-56.8	-3.44	46.0	28.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.9	-5.95	19.9	21.1	11.2	-9.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.9	-22.6	-37.4	-22.5	17.1	-27.5
Tiền đầu kỳ	200	207	224	149	145	219
Lưu chuyển tiền thuần	**6.88**	**17.5**	**-74.3**	**-4.89**	**74.3**	**-8.72**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.34	-0.09	0.06	0.34	-0.32
Tiền cuối kỳ	207	224	149	145	219	210

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**991**	**951**	**4.3%**
Tài sản ngắn hạn	595	583	2.1%
Tiền và tương đương tiền	210	224	-6.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	122	10.9%
Phải thu ngắn hạn	239	232	2.9%
Hàng tồn kho	2.97	2.43	22.1%
Tài sản ngắn hạn khác	7.49	2.50	200%
Tài sản dài hạn	**396**	**368**	**7.8%**
Phải thu dài hạn	4.88	4.34	12.4%
Tài sản cố định	2.44	6.40	-61.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	387	354	9.4%
Tài sản dài hạn khác	**1.52**	**2.80**	**-45.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	363	330	10.3%
Nợ ngắn hạn	**359**	**325**	**10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.7	47.8	-27.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	149	95.3	56.0%
Nợ dài hạn	4.43	4.64	-4.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**628**	**621**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**628**	**621**	**1.1%**
Vốn điều lệ	317	317	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)